



chuāng yáng

疮 疡

noun · skin ulcer; sore

Example Sentence

Yī shēng shuō tā tuǐ shàng de chuāng yáng xū yào jí shí zhì liáo
医生说他腿上的疮疡需要及时治疗。

The doctor said the sore on his leg needs
timely treatment.

Trace each character, then write the word on your own.

疮	疮	疮	疮	疮	疮	疮	疮	疮	疮	疮
疮										
疡	疡	疡	疡	疡	疡	疡	疡	疡	疡	疡